

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

*(Ban hành theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/8/2024
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)*

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 8 năm 2024



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
2. Kiến nghị loại cổ phần và cổ phần được quyền chào bán.
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Quyết định phương án đầu tư đối với các dự án đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị quyết định đầu tư các dự án dưới 35% tài sản và được duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán công trình đầu tư đã thông qua Đại hội đồng cổ đông.
5. Quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị công nghệ, thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trước khi Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.
6. Quyết định về việc bán các tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và ký hợp đồng với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.
8. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
9. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các giấy chứng nhận quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước.
10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, tổ chức việc chi trả cổ tức.
11. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán trong 12 (mười hai) tháng theo từng loại cổ phần đã bán ra, các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
12. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hoặc theo báo cáo đề nghị của Ban Kiểm soát (nếu có).
13. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty và những sai phạm trong quản lý gây thiệt hại cho Công ty, mà Hội đồng quản trị quyết định thì Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn của mình.

14. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác thực hiện theo Điều lệ Công ty hoặc do Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở tuân thủ Pháp luật.

15. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và trách nhiệm cao nhất trong Hội đồng quản trị trong việc tổ chức và giám sát thực thi các quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

2. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau :

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đi vắng thì có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị điều khiển cuộc họp của Hội đồng quản trị;

b) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết nghị, quyết định trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện trong nội bộ Công ty;

c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký giấy chứng nhận vốn góp (hoặc cổ phiếu) của cổ đông, các văn bản liên quan đến vốn, chủ sở hữu gửi các cơ quan chức năng;

d) Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và quyết định những vấn đề khác do Hội đồng quản trị uỷ nhiệm;

đ) Có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty tìm hiểu, nghiên cứu và cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền;

e) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách theo các lĩnh vực hoạt động;

g) Các quyền hạn và trách nhiệm khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

Điều 5. Thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị sẽ xem xét và quyết định việc từ nhiệm trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản.

3. Đối với vai trò Người đại diện vốn Nhà nước là thành viên của Hội đồng quản trị thì căn cứ vào văn bản chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện.

Điều 6. Ủy quyền tham dự phiên họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ. Khi không thể tham gia dự các cuộc họp Hội đồng quản trị vì có lý do chính đáng, thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự.

2. Người được ủy quyền thay mặt thành viên đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị Công ty tại phiên họp theo những nội dung cụ thể của giấy ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được tham gia đóng góp ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 7. Ngoài quyền tham gia quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ

1. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị đối với những ý kiến của mình.

2. Tuân thủ các quy định về Hội đồng quản trị của Quy chế này, cộng tác tích cực cùng Hội đồng quản trị theo đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Thực hiện các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và chấp nhận sự phân công, phân nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản vẫn có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các văn bản khác trình Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn, trong thời hạn 03 ngày làm việc các thành viên Hội đồng quản trị phải có ý kiến biểu quyết, nếu quá thời hạn quy định thành viên Hội đồng quản trị không trả lời xem như không có ý kiến.

Điều 9. Chi phí hoạt động và tiền lương của Hội đồng quản trị

1. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm: Chi phí hoạt động của văn phòng Hội đồng quản trị, chi phí tổ chức các phiên họp, công tác phí ngoại tỉnh, chi phí tiếp khách, chi phí đi công tác nước ngoài, chi phí tiền lương và các chi phí khác phục vụ cho công việc của Công ty sẽ được tính vào chi phí chung của Công ty trên cơ sở hợp lý và có hoá đơn chứng từ hợp lệ theo nguyên tắc kế toán tài chính của Công ty.

2. Đại hội cổ đông quyết định chế độ thù lao, tiền lương cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 10. Phân cấp quyền hạn cho Tổng giám đốc

1. Trên cơ sở quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc các quyền hạn cần thiết để điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đối với các vấn đề ngoài thẩm quyền, Tổng giám đốc gửi văn bản trình Hội đồng quản trị để xin ý kiến phê duyệt bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc các thành viên Hội đồng quản trị phải có ý kiến biểu quyết, nếu quá thời hạn quy định thành viên Hội đồng quản trị không trả lời xem như không có ý kiến.

3. Trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ kết quả trả lời của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thành lập Tổ kiểm phiếu tổng hợp ý kiến trả lời của từng thành viên Hội đồng quản trị để làm cơ sở triển khai thực hiện. Cơ cấu thành phần Tổ kiểm phiếu từ 03-05 người gồm Ban Tổng giám đốc, Ban Thư ký, đại diện Ban kiểm soát chứng kiến.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp giữa Quy chế này, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị có mâu thuẫn theo chiều hướng loại trừ nhau thì các quy định của Điều lệ Công ty, các văn bản pháp luật được lựa chọn để áp dụng.
2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm 03 chương, 11 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 08 năm 2024.
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được ban hành trước đây sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.



Trần Anh Hòa

MỤC LỤC QUY CHẾ

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
- Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 1

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 2
- Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị 3
- Điều 5. Thay thế Chủ tịch HĐQT và các thành viên Hội đồng quản trị 3
- Điều 6. Ủy quyền tham dự phiên họp Hội đồng quản trị 4
- Điều 7. Ngoài quyền tham gia quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ 4
- Điều 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị 4
- Điều 9. Chi phí hoạt động và tiền lương của Hội đồng quản trị 5
- Điều 10. Phân cấp quyền hạn cho Tổng giám đốc 5

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Điều 11. Hiệu lực thi hành 6